

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÒN ĐẤT
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **65** /2019/HNGĐ-ST

Ngày: 20/06/2019

Về việc “Tranh chấp ly hôn và con chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒN ĐẤT - TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Lê Thị Thanh Thảo.**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Nguyễn Thanh Cần.**

Ông Nguyễn Thành Thái.

Thư ký phiên tòa: Ông **Đặng Thanh Sang** - Thư ký TAND huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang.

Ngày 20 tháng 06 năm 2019 tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 109/2019/TLST- HNGĐ ngày 12/03/2019, về vụ “Tranh chấp về ly hôn và con chung”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 53/2019/QĐXXST-HNGĐ, ngày 06/05/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 31/2019/QĐST-HNGĐ, ngày 24/05/2019 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Chị **Lê Thị Cẩm L**, sinh năm: 1990 (*Có mặt*).

* Bị đơn: Anh **Trần Văn Th**, sinh năm: 1983 (*Vắng mặt*).

Cùng địa chỉ: Tổ 5, ấp MB, xã ML, huyện HĐ, tỉnh KG.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện ngày và tại phiên tòa chị Lê Thị Cẩm L trình bày như sau:

- *Về hôn nhân:* Đầu năm 2006 chị và anh Th tự nguyện yêu thương nhau được hai bên gia đình đồng ý nên đi đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới nhưng không có đăng ký kết hôn. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc có với nhau 02 người con chung. Đến 2013 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống nên vợ chồng thường xuyên cự cãi nhau cũng từ thời gian đó anh Thông đã bỏ nhà đi cho đến nay. Mặc dù chị đã thông báo tìm kiếm anh Th trên các phương tiện thông tin đại chúng nhưng anh Th không liên lạc cũng không về nhà nên Tòa án đã giải quyết tuyên bố mất tích bằng Quyết định số 02/2018/DS.ST ngày 18/9/2018 với nội dung tuyên bố anh Thông mất tích. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Th.

- *Về con chung và cấp dưỡng nuôi con:* Anh chị có 02 người con chung tên Trần Văn Ph, sinh ngày 16/11/2008 và Trần Thị Mỹ H, sinh ngày 19/01/2011. Chị yêu cầu được nuôi dưỡng 02 con chung và không yêu cầu anh Th phải cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung và nợ chung*: Chị khai nhận vợ chồng không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* ***Bị đơn anh Trần Văn Th***: Từ khi thụ lý vụ án cho đến nay không đến Tòa án và không có ý kiến trình bày.

Tại phiên tòa chị L: Giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Theo nội dung đơn khởi kiện của chị Lê Thị Cẩm L thì đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình, bị đơn trong vụ án có nơi cư trú tại huyện Hòn Đất nên quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 vụ án thuộc thẩm giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang.

[2]. Về thủ tục tố tụng: Anh Trần Văn Th là bị đơn trong vụ đã được triệu tập hợp lệ 02 lần nhưng vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh Th theo quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ Luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung vụ án:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Chị L và anh Th đi đến hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới nhưng không có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống anh chị phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm nên vợ chồng thường xuyên cãi nhau đến cuộc sống gia đình không còn hạnh phúc. Đến 2013 thì anh Th bỏ nhà đi cho đến nay. Tòa án đã giải quyết tuyên bố mất tích bằng Quyết định số 02/2018/DS.ST ngày 18/9/2018 với nội dung tuyên bố anh Th mất tích theo yêu cầu chị L. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, nên chị L yêu cầu được ly hôn với anh Th. Hội đồng xét xử xét thấy, anh chị chung sống như vợ chồng nhưng không đăng ký kết hôn là vi phạm quy định tại các Điều 8, Điều 9, Điều 14 và Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Do đó, căn cứ vào các quy định này Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ hôn nhân giữa chị Lê Thị Cẩm L và anh Trần Văn Th là vợ chồng.

- *Về con chung*: Anh chị có 02 người con chung tên Trần Văn Ph, sinh ngày 16/11/2008 và Trần Thị Mỹ H, sinh ngày 19/01/2011. Chị yêu cầu được nuôi dưỡng 02 con chung. Xét thấy, hiện nay 02 đang do chị L nuôi dưỡng, tại bản tự khai 02 cháu Ph và H có ý kiến muốn sống cùng với mẹ và phía anh Th cũng không có ý kiến gì. Do đó, cần giao 02 con chung cho chị L tiếp tục nuôi dưỡng là hoàn toàn phù hợp theo quy định pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị L không yêu cầu nên không xét.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị xác nhận không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

[4] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Lê Thị Cẩm L phải chịu theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ các Điều 8; Điều 9; Điều 14; Điều 53; Điều 81; Điều 83 và Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ giữa chị Lê Thị Cẩm L với anh Trần Văn Th là vợ chồng.

2. Về con chung: Giao 02 người con chung tên Trần Văn Ph, sinh ngày 16/11/2008 và Trần Thị Mỹ H, sinh ngày 19/01/2011 cho chị L tiếp tục nuôi dưỡng. Trong thời gian chị L chăm sóc, nuôi dưỡng con chung thì phía anh Th được quyền tới lui thăm nom chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản.

3. Về cấp dưỡng nuôi con, về tài sản chung và nợ chung: Không xét.

4. Về án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm: Buộc chị Lê Thị Cẩm L phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được đối trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng mà chị L đã nộp theo biên lai thu số: 0002159, ngày 06/03/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang (chị L đã nộp xong).

5. Về quyền kháng cáo: Chị L có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Th có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận (hoặc niên yết) bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Hòn Đất;
- CCTHADS huyện Hòn Đất;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Thị Thanh Thảo